

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên

:Lê Thị Hồng Vân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG
TY Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Hồng Vân
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2018

Mục lục

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....

Error! Bookmark not defined.

| | |
|---|-------------------------------------|
| 1.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... | 6 |
| 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm..... | 6 |
| 1.1.2. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán hàng hóa..... | 7 |
| 1.1.3. Nguyên tắc đánh giá..... | 8 |
| 1.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp..... | 11 |
| 1.2.1. Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song..... | 12 |
| 1.2.2. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... | 13 |
| 1.2.3. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư..... | 14 |
| 1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp..... | 17 |
| 1.3.1 Chứng từ sử dụng..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.2 Tài khoản sử dụng..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu | Error! Bookmark not defined. |
| 1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp..... | 22 |
| 1.4.1 Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký chung..... | 22 |
| 1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký sổ cái..... | 24 |
| 1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ..... | 26 |
| 1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Kế toán máy..... | 28 |

| | |
|--|-------------------------------------|
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG | 31 |
| 2.1. Khái quát về công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | 31 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong..... | 31 |
| 2.1.2. Đặc điểm kinh doanh..... | 32 |
| 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận phong..... | 32 |
| 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán | 34 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong..... | 38 |
| 2.2.1. Đặc điểm và nguyên tắc đánh giá hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | 40 |
| • CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG. | 71 |
| 3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty | 71 |
| 3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tồn tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | 73 |
| KẾT LUẬN | 83 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, bất cứ một doanh nghiệp nào bước vào sản xuất, thương mại thì mục tiêu lớn nhất của các doanh nghiệp đặt ra đó chính là lợi nhuận. Vì có như vậy thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại và phát triển được. Nhưng song hành với đó doanh nghiệp phải quan tâm quản lý sát sao những yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy những yếu tố đầu ra sao cho hiệu quả nhất. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi mỗi doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh công tác quản lý mà yếu tố quan trọng trong việc quản lý là mỗi doanh nghiệp cần phải tổ chức một bộ máy kế toán hoàn chỉnh, có mối liên hệ chặt chẽ, kết hợp nhịp nhàng với nhau. Đặc biệt là trong doanh nghiệp thương mại.

Hàng hóa là tài sản lưu động của doanh nghiệp dưới hình thức vật chất, chiếm một phần lớn trong doanh nghiệp thương mại. Hàng hóa của doanh nghiệp có thể được mua từ bên ngoài, có thể do trực tiếp doanh nghiệp sản xuất ra để dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh để thực hiện việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp hoặc để bán tạo ra lợi nhuận.

Nhận thức được vai trò và vị thế của hàng hóa, trong quá trình thực tập tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong, em đã có cơ hội được tìm hiểu công tác kế toán tại công ty, em đã tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán hàng hóa và tầm quan trọng của nó. Kết hợp với kiến thức mà em đã được học và sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ tại quý công ty, đặc biệt là phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Đức Kiên, em đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình là: **“Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong”** .

Nội dung gồm 3 chương:

Chương I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

Chương II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG.

Chương III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hàng hoá

a. Khái niệm

– Hàng hóa là đối tượng kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại, là các vật tư sản phẩm do doanh nghiệp thương mại mua về với mục đích để bán. Trị giá hàng mua vào, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua hàng hóa.

– Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại thường đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau. Hàng hóa thường xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần phải theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

b. Đặc điểm

– Hàng hóa rất đa dạng và phong phú: mỗi hàng có đặc tính lý, hóa, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình thu mua, vận chuyển, dự trữ, bảo quản và bán ra.

– Hàng hóa luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật... sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu thị yếu của người tiêu dùng. Nếu hàng hóa thay đổi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng thì hàng hóa được tiêu thụ và ngược lại.

– Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

- Hàng hóa có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại, quá trình vận động của hàng hóa cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mua hàng: là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hóa tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ vốn tiền tệ sang vốn hàng hóa.
- Bán hàng: là giai đoạn cuối cùng trong quá trình lưu chuyển hàng hóa tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Là sự chuyển hóa vốn kinh doanh từ vốn hàng hóa sang vốn tiền tệ.
- Bảo quản và dự trữ hàng hóa: là khâu trung gian của lưu thông hàng hóa. Để quá trình kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hóa một cách hợp lý.

1.1.2. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán hàng hóa

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, các đơn vị mua bán hàng hoá trong nước phải bám sát thị trường, tiến hành hoạt động mua bán hàng hoá theo cơ chế tự hạch toán kinh doanh. Trong hoạt động kinh doanh, các đơn vị phải thường xuyên tìm hiểu thị trường, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của dân cư để có tác động tới phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hoá.

Hàng hoá của doanh nghiệp gồm nhiều loại, nhiều thứ phẩm cấp nhiều thứ hàng cho nên yêu cầu quản lý chúng về mặt kế toán không giống nhau. Vậy nhiệm vụ chủ yếu của kế toán hàng hoá là:

- Giám sát tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản và dự trữ hàng hoá, tình hình nhập xuất vật tư hàng hoá. Tính giá thực tế mua vào của hàng hoá đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ và bán hàng nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng hoá.
- Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật tư hàng hoá theo từng loại từng thứ theo đúng số lượng và chất lượng hàng hoá. Kết hợp chặt chẽ giữa kế toán chi tiết với hạch toán nghiệp vụ ở kho, ở quầy hàng, thực hiện đầy đủ chế độ kiểm kê hàng hoá ở kho, ở quầy hàng đảm bảo sự phù hợp số hiện có thực tế với số ghi trong sổ kế toán.

- Xác định đúng đắn doanh thu bán hàng, thu đầy đủ thu kịp thời tiền bán hàng, phản ánh kịp thời kết quả mua bán hàng hoá. Tham gia kiểm kê và đánh giá lại vật tư, hàng hoá.

1.1.3. Nguyên tắc đánh giá hàng hoá

1.1.3.1. Đánh giá nhập kho hàng hóa

- Đối với hàng hóa mua ngoài:

| | | | | | | | | |
|-------------------------------|---|--------------------------|---|------------------------|---|------------------------------------|---|--|
| Giá thực tế hàng hóa nhập kho | = | Giá mua ghi trên hóa đơn | + | Chi phí khác liên quan | + | Các khoản thuế không được hoàn lại | - | Giảm giá hàng mua và chiết khấu thương mại |
|-------------------------------|---|--------------------------|---|------------------------|---|------------------------------------|---|--|

Giá mua ghi trên hóa đơn là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

- + Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.
- + Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ)

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

- Đối với hàng hóa là thuê ngoài gia công chế biến:

| | | | | | | |
|----------------------|---|-----------------------------------|---|----------------------------|---|----------------------------|
| Giá thực tế nhập kho | = | Giá xuất kho đi gia công chế biến | + | Chi phí gia công, chế biến | + | Chi phí vận chuyển, bốc dỡ |
|----------------------|---|-----------------------------------|---|----------------------------|---|----------------------------|

- Đối với hàng hóa nhận góp từ các đơn vị cá nhân tham gia vào liên doanh, liên kết

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá hàng hóa do hội đồng định giá} + \text{Chi phí liên quan đến tiếp nhận}$$

1.1.3.2 Đánh giá xuất kho hàng hoá

Hàng tồn kho trong các doanh nghiệp tăng từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau, vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho. Việc lựa chọn phương pháp nào còn tùy thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho nào cũng yêu cầu phải nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Nếu có sự thay đổi thì phải giải trình và thuyết minh, nêu rõ những tác động của sự thay đổi tới các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Theo chế độ kế toán hiện hành, việc xác định giá trị hàng xuất kho được thực hiện theo các phương pháp sau:

1. Phương pháp tính theo giá đích danh:

Đây là phương pháp tính theo giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hóa mua vào, của từng thứ sản phẩm xuất ra, đòi hỏi kế toán phải biết hàng hóa trong kho thuộc những lần nhập kho nào, đơn giá là bao nhiêu. Giá trị xuất dùng được tính chi tiết căn cứ vào số lượng và đơn giá của loại hàng hóa đó.

- *Ưu điểm:* Đây là phương pháp tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, kế toán hoàn toàn có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô hàng. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- *Nhược điểm:* việc áp dụng phương pháp này tốn nhiều công sức đối với những doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng thì khó áp dụng được phương pháp này.

- *Điều kiện áp dụng:* thường áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

2. Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và mua hoặc sản xuất trong

kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của từng doanh nghiệp.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x Đơn giá thực tế bình quân

➤ Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (giá bình quân cả kỳ dự trữ)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- *Ưu điểm:* Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ
- *Nhược điểm:* Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán
- *Phạm vi áp dụng:* Có thể áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp.

➤ Theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức:

$$\text{Đơn giá nhập kho sau lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i}}$$

- *Ưu điểm:* Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên
- *Khuyết điểm:* Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức.
- *Phạm vi áp dụng:* Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

3. Phương pháp nhập trước – xuất trước: (FIFO / First in – First Out)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng nhập kho trước sẽ được xuất trước

- *Ưu điểm:* Giúp kế toán có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.
- *Nhược điểm :* nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục thì khối lượng công việc tăng lên rất nhiều, phương pháp này không phù hợp trong trường hợp lạm phát.
- *Phạm vi áp dụng:* chỉ thích hợp với những đơn vị kinh doanh hàng hóa ít chủng loại , số lần nhập kho hàng hóa theo từng mặt hàng không nhiều.

4. Phương pháp giá bán lẻ:

Bằng phương pháp này giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

- *Ưu điểm:* Phương pháp này khá đơn giản, không tốn nhiều công sức, dễ dàng thực hiện.
- *Khuyết điểm:* Lợi nhuận của doanh nghiệp và giá vốn hàng tồn kho phụ thuộc nhiều vào tỷ xuất lợi nhuận cận biên do doanh nghiệp xây dựng nên độ chính xác chưa cao.
- *Phạm vi áp dụng:* Thường được dùng trong ngành bán lẻ như kinh doanh siêu thị hoặc tương tự để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá trên.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp

Kế toán hàng hóa phải kết hợp quản lý, kê khai tổng hợp, chi tiết từng loại mặt hàng cả về mặt giá trị và mặt hiện vật theo từng loại, quy cách, tính chất, phẩm chất theo từng địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự chính xác, số liệu phải khớp đúng với cả về mặt giá trị và hiện vật của mỗi chủng loại hàng hóa với sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong 3 phương pháp sau để thực hiện kế toán chi tiết hàng hóa:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .
- Phương pháp sổ số dư.

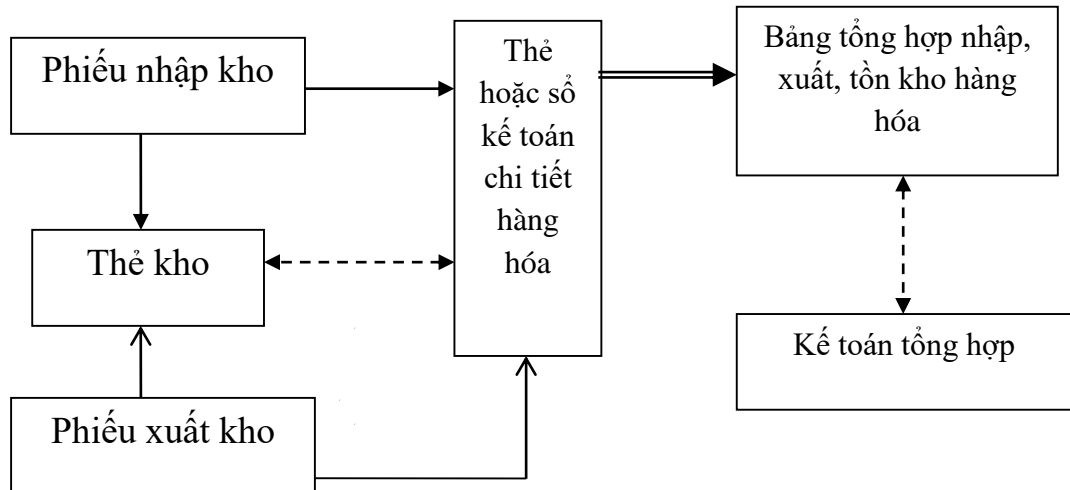
1.2.1. Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc: ở kho ghi chép về mặt số lượng, ở phòng kế toán ghi chép cả về số lượng lẫn giá trị từng loại hàng hóa.

-Trình tự ghi chép:

+ Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất hàng hóa ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn hàng hóa thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

+Ở phòng kế toán: Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm hàng hóa tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán hàng hóa phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng loại hàng hóa rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp hàng hóa.



Ghi chú : Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song

Với cách ghi chép, kiểm tra và đối chiếu như trên, phương pháp có những ưu nhược điểm:

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác làm hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán do việc kiểm tra và đối chiếu chủ yếu được tiến hành vào cuối tháng.

- Phạm vi áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chủng loại hàng hoá ít.

1.2.2. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Nguyên tắc:

+ Ở kho: Thủ kho ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn về hiện vật.

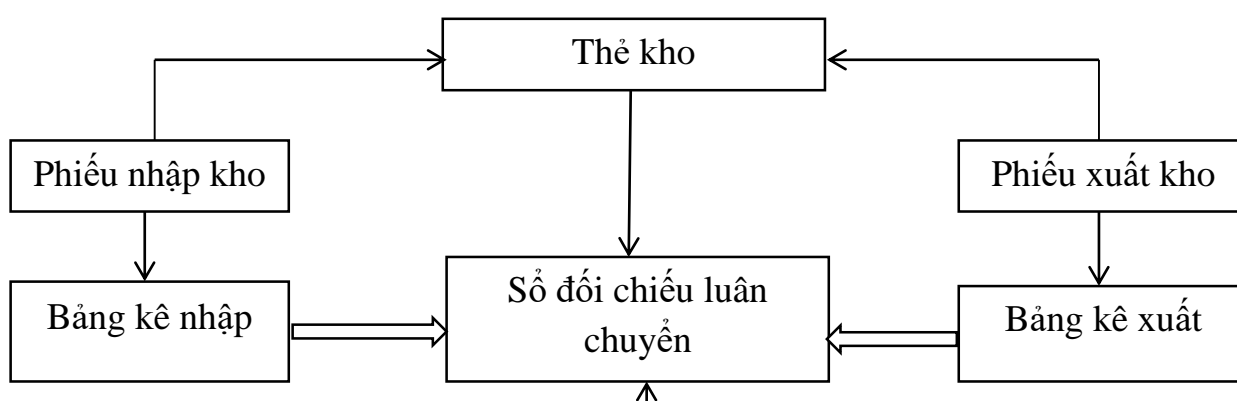
+ Phòng kế toán: Ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của hàng hoá cả về giá trị lẫn hiện vật trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi chép:


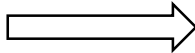
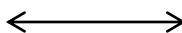
+ Ở kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu: số lượng và giá trị ở từng kho dùng cho cả năm, mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán lập bảng kê nhập, xuất cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

- Sơ đồ phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- ◆ Ghi hàng ngày: 
- ◆ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: 
- ◆ Đối chiếu kiểm tra cuối tháng: 

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

* Ưu nhược điểm của phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:

+ *Ưu điểm:* khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

+ *Nhược điểm:*

- Ghi trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.
 - Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất hàng hoá thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.
 - Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy khối lượng công việc dồn vào.
 - Theo phương pháp này, để lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho.
- + *Phạm vi áp dụng:* Thích hợp cho những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn hàng ngày.

1.2.3. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

- Nguyên tắc:

+ Kho: Thủ kho ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn về hàng hoá. Cuối tháng trên cơ sở tồn cuối tháng trên thẻ kho về hiện vật vào sổ số dư do kế toán lập, được ghi vào cột số lượng.

+ Phòng kế toán: Ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của hàng hoá trên bảng lũy kế nhập, xuất, tồn.

- Trình tự ghi chép:

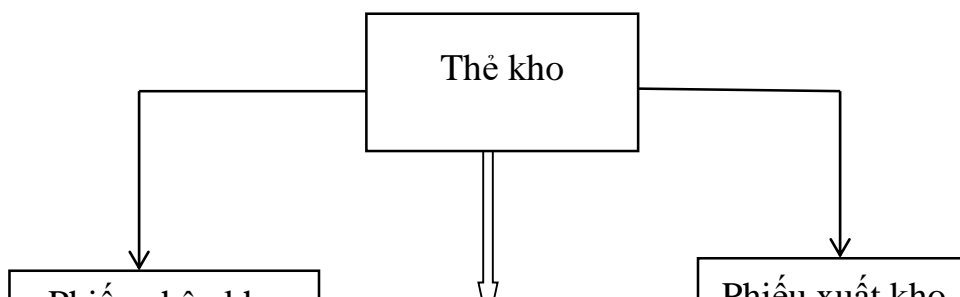
+ Ở kho: Ngoài việc hạch toán giống như hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép chỉ tiêu số lượng của hàng hoá. Sổ này do kế toán lập cho từng kho và sử dụng trong cả năm. Hàng tháng, vào ngày cuối tháng thì kế toán chuyển sổ số dư cho thủ kho. Thủ kho sau khi cộng số liệu nhập, xuất trong tháng và tính ra số lượng tồn cuối tháng của từng loại hàng hoá trên thẻ kho. Căn cứ vào số liệu này để ghi vào sổ số dư theo từng loại hàng hoá.

+ Ở phòng kế toán: Định kỳ kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho. Sau đó nhận chứng từ nhập xuất về phòng kế toán và tiến hành hoàn thiện phân loại theo từng nhóm, loại hàng hoá. Kế toán tổng hợp giá trị của chúng theo từng nhóm, loại để ghi vào bảng kê nhập hoặc bảng kê xuất hàng hoá rồi căn cứ vào số liệu trên các bảng kê này để ghi vào bảng kê lũy kế nhập, xuất.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên cột tổng cộng ở bảng lũy kế để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho hàng hoá. Sau đó tính ra số tồn kho theo nhóm, loại để ghi vào bảng kê lũy kế.


Cũng ở thời điểm cuối tháng, sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào số lượng và đơn giá của từng loại hàng hoá tồn kho để tính ra chỉ tiêu giá trị của số dư và ghi vào cột "thành tiền" trên sổ số dư. Số liệu này được đối chiếu với số liệu cột tồn kho trên bảng tổng hợp và hai số liệu này phải trùng nhau.

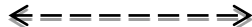
- Sơ đồ Phương pháp sổ số dư.





Ghi hàng ngày : 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : 

Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng : 

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

* Ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng .

+ *Ưu điểm:*

- Giảm bớt được khối lượng ghi chép cho kế toán vì chỉ cần ghi chỉ tiêu thành tiền của hàng hoá theo nhóm và theo loại.
- Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản hàng trong kho của thủ kho.
- Công việc dàn đều trong tháng, nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ cho quản trị hàng hoá.

+ *Nhược điểm :*

- Do ở phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại hàng hoá vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất, hiện còn của loại hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.
- Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về hàng hoá phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻ kho.
- Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

+ *Phạm vi áp dụng:*

- Thường áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất hàng hoá xảy ra thường xuyên.
- Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hoá hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý hàng hoá.

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp

Để đáp ứng nhu cầu quản lý hàng hóa của quản trị doanh nghiệp, kế toán hàng hóa phải được tiến hành đồng thời tại kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở dữ liệu. Hàng hoá là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp. Việc mở tài khoản tổng hợp ghi chép sổ kế toán hàng tồn kho, xác định giá trị hàng hoá xuất kho, tồn kho trên các sổ kế toán tổng hợp còn tùy thuộc vào doanh nghiệp áp dụng phương pháp kế toán tổng hợp hàng hoá theo phương pháp kê khai thường xuyên hay phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.3.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh ghi chép thường xuyên liên tục các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp. Phương pháp này đảm bảo tính chính xác tình hình biến động của hàng hoá.
- Với phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản tồn kho (TK 151, 153, 156...) được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của hàng hóa. Do vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế hàng hóa tồn kho với số liệu hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc thì số liệu tồn kho thực tế luôn luôn

phải phù hợp với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có sự chênh lệch thì phải giải xác định ngay nguyên nhân và xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền. Quá trình hoạt động giữa kế toán, thủ kho và phòng kinh doanh được diễn ra liên tục thông qua việc giao nhận các chứng từ.

❖ Công thức tính giá hàng hóa:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hóa tồn kho} & = & \text{hóa tồn kho} & + & \text{hóa nhập} & - & \text{hóa xuất bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Đây là phương pháp hạch toán phức tạp, tốn thời gian, tốn nhiều công sức và phải khi chép nhiều nhưng phương pháp này lại cung cấp thông tin về hàng hóa một cách kịp thời.

✚ *Các loại chứng từ sử dụng:*

- ✓ Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho;
- ✓ Biên bản kiểm kê hàng hóa ;
- ✓

✚ *Các tài khoản sử dụng:*

- ✓ TK 156 – Hàng hóa:

* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hoá bất động sản.

❖ **Bên Nợ:**

- Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hóa;
- Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công (gồm giá mua vào và chi phí gia công);
- Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại;
- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê;
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

❖ **Bên Có:**

- Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ;
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng;

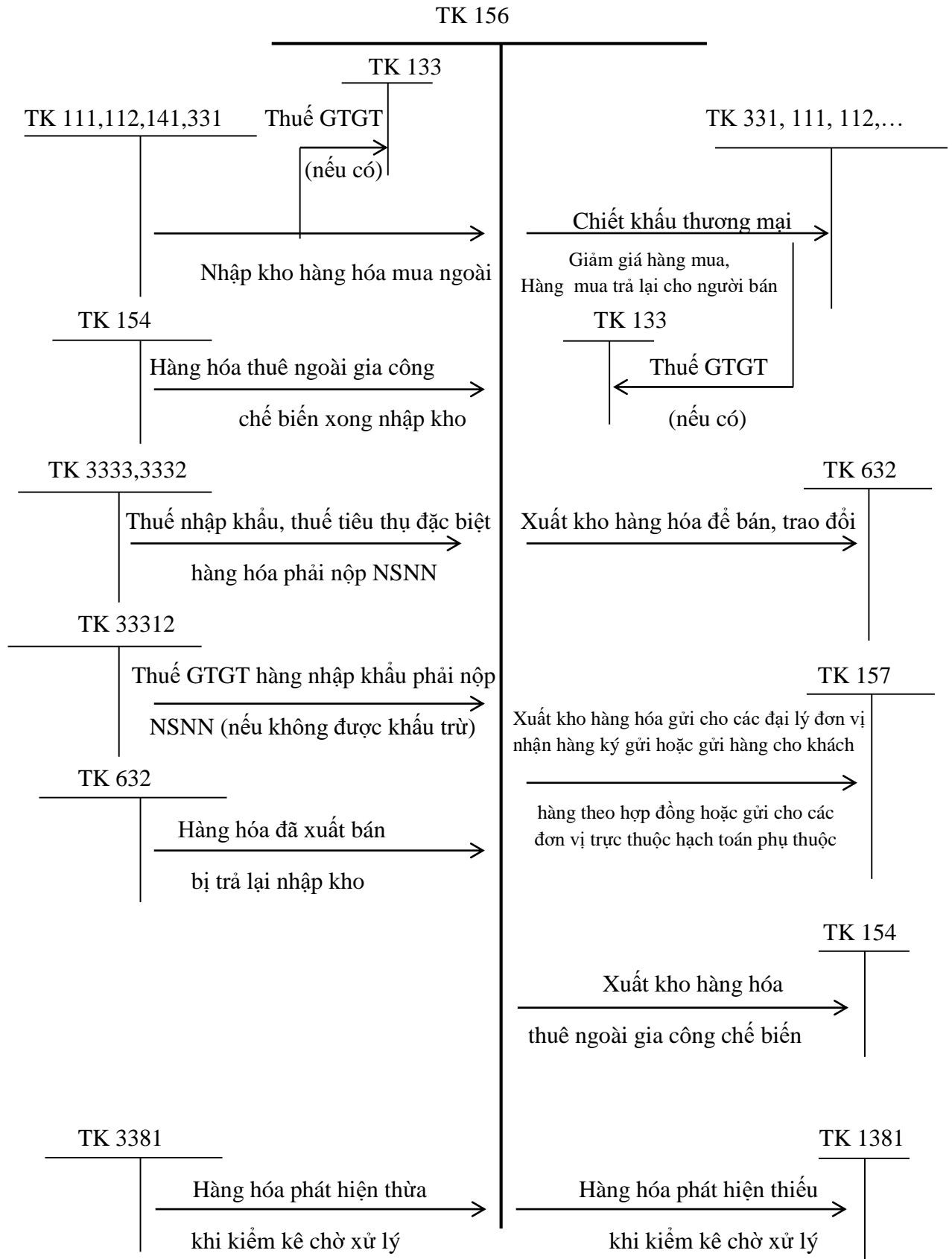
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán;
- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê;
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- Trị giá hàng hoá bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

*** Số dư bên Nợ:**

- Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho;
- Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho.

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4 “Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên”



1.3.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không phải theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho trên các tài khoản hàng tồn kho, mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ để tính giá trị xuất của hàng hóa trong kỳ. Cuối tháng kế toán tiến hành kiểm kê và xác định số thực tế của hàng hoá để ghi vào tài khoản hàng tồn kho.

$$\text{Trị giá của hàng hóa xuất trong kỳ} = \text{Trị giá của hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá của hàng hóa nhập trong kỳ} - \text{Trị giá của hàng hóa tồn cuối kỳ}$$

- Theo phương pháp này khi nhập hàng bắt buộc phải ghi chi tiết, kịp thời; còn khi xuất ra để bán, sử dụng thì không cần ghi theo thời điểm xuất, nhưng đến cuối tháng bắt buộc phải kiểm kê thực tế hàng tồn kho để tính giá trị hàng xuất.

✚ *Các loại chứng từ sử dụng:* Tương tự như phương pháp KCTX.

✚ *Tài khoản sử dụng:*

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các TK hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và theo dõi số dư cuối kỳ. Kế toán phản ánh tình hình nhập hàng, việc giảm giá hàng mua, được hưởng chiết khấu mua hàng và hàng xuất trả lại vào TK 6112. Cụ thể, kết cấu và nội dung phản ánh của các TK được sử dụng ở phương pháp này như sau:

✓ TK 611: Mua hàng

* Đây là tài khoản dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa và sử dụng trong kỳ. Tài khoản chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Giá trị hàng hóa mua vào phản ánh trên TK này phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.

❖ **Bên Nợ:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);
- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ

❖ **Bên Có:**

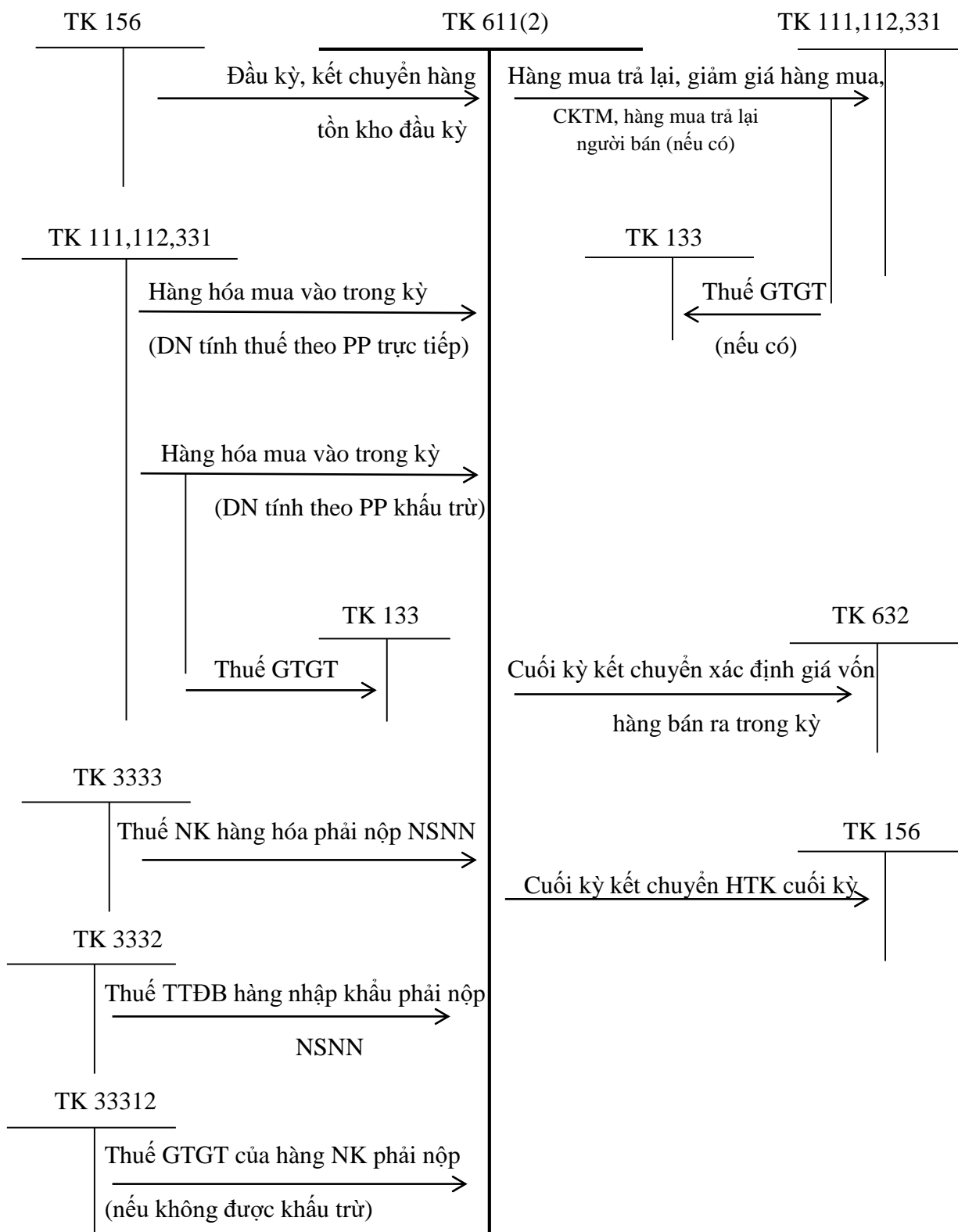
- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)
- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5 “Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ”



1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có thể áp dụng 1 trong các hình thức kế toán sau:

1.4.1 Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt

Sổ cái

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện như sau:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ, có thể là 3, 5, 10 ngày hoặc cuối tháng, tùy theo khối lượng nghiệp vụ phát sinh, kế toán tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

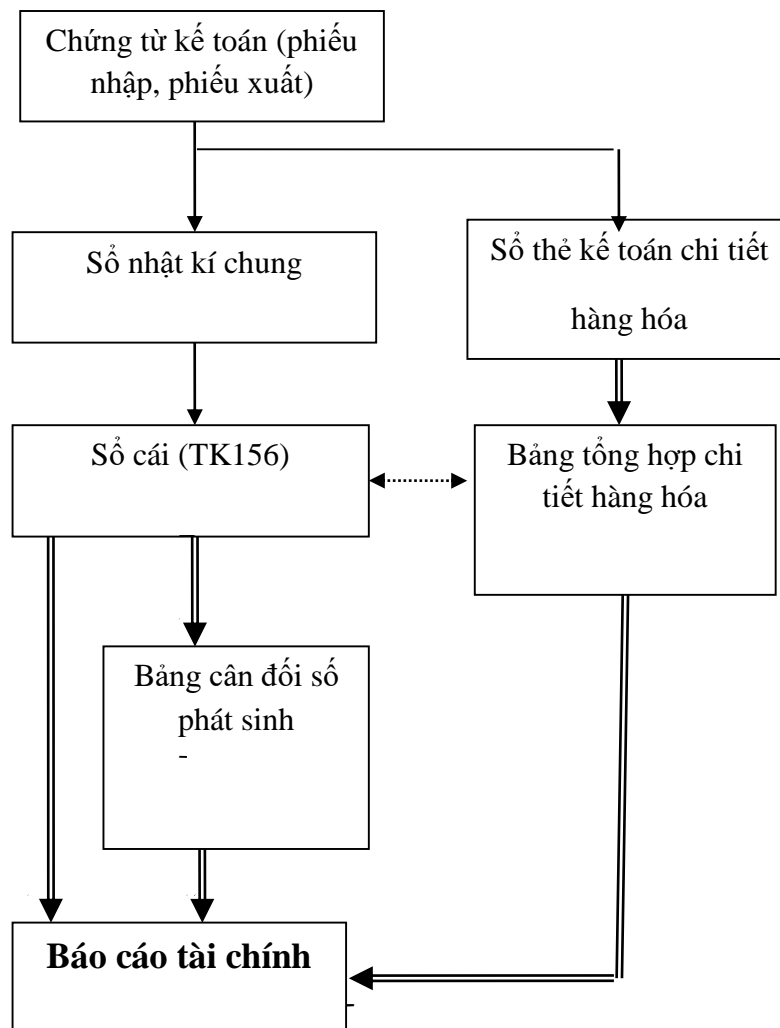
Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số

liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết, số liệu được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung có ưu điểm là đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị kế toán và thuận lợi cho việc sử dụng kế toán máy, thuận tiện đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc.

Sơ đồ 1.6 “Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hoá theo hình thức nhật ký chung”.



Ghi chú

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \implies

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký sổ cái

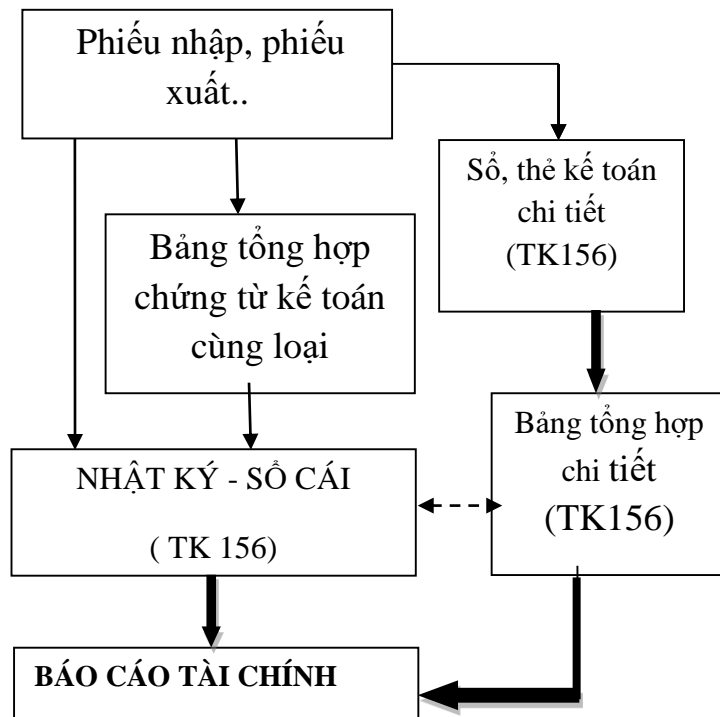
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái thể hiện trên sơ đồ trong hình sau đây. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

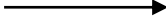


Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.7 “Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hoá theo hình thức nhật ký sổ cái”



Ghi chú

| | |
|---------------------|--|
| Ghi hàng ngày |  |
| Ghi cuối tháng |  |
| Đối chiếu, kiểm tra |  |

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký – Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số dư bên Nợ các tài khoản = Tổng số dư bên Có các tài khoản

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản.

Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký – Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái là hình thức đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Tuy nhiên, hình thức này không áp dụng được cho những đơn vị quy mô lớn, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, hoạt động phức tạp và sử dụng nhiều tài khoản, không thuận lợi cho phân công lao động kế toán và thường lập báo cáo chậm.

1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện trong hình .

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập

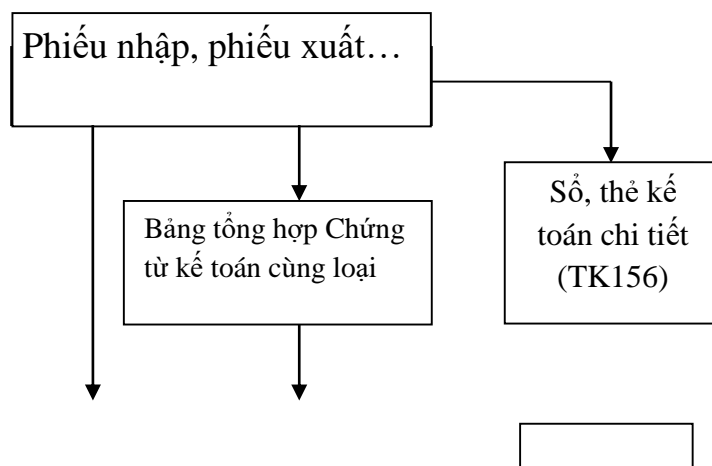
Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

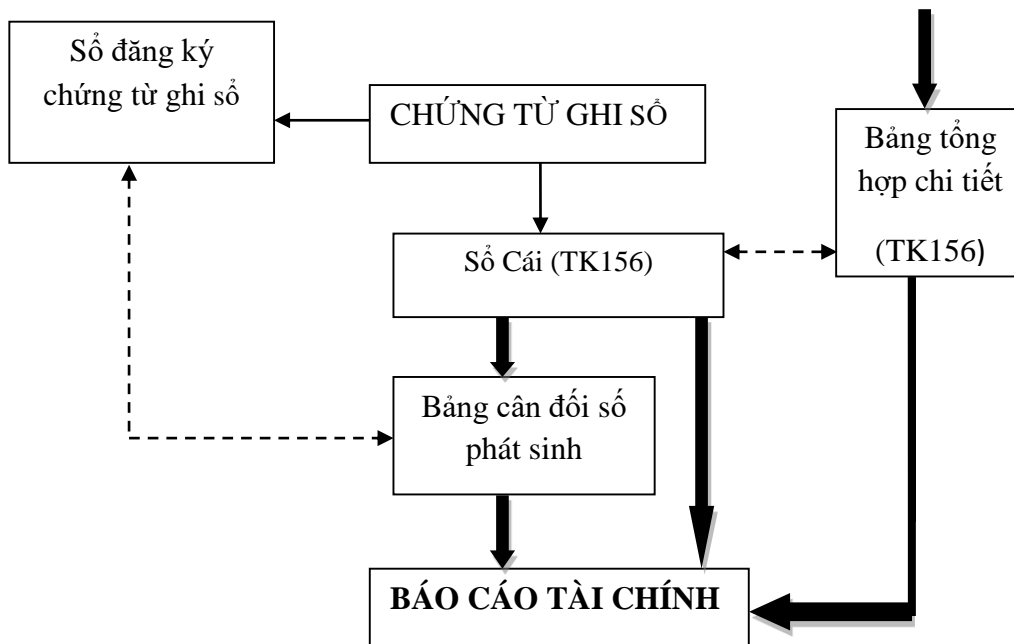
Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8 “Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hoá theo hình thức chứng từ ghi sổ”





Ghi chú

| | |
|---------------------|---------------|
| Ghi hàng ngày | —————→ |
| Ghi cuối tháng | —————→ |
| Đối chiếu, kiểm tra | ← - - - - - → |

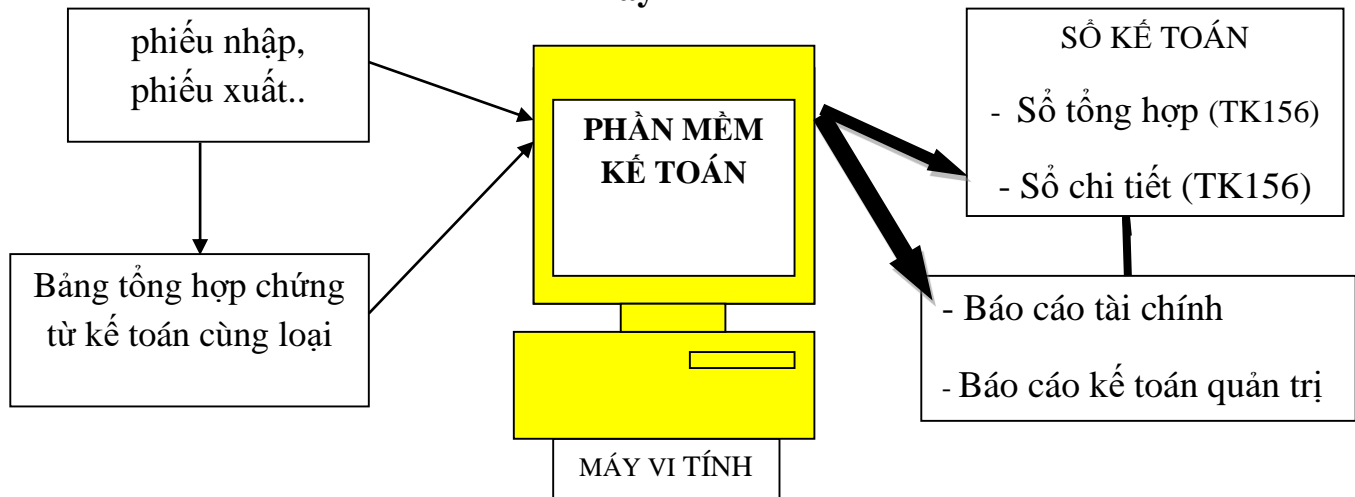
Hình thức Chứng từ ghi sổ có ưu điểm dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu, công việc kế toán được phân công đều trong kỳ. Nó thích hợp với mọi loại hình, qui mô đơn vị kinh tế. Tuy nhiên, cần lưu ý là ở hình thức này việc ghi chép trùng lặp nhiều làm tăng khối lượng ghi chép.

1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp áp dụng hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.9 “Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hoá theo hình thức kế toán máy”



Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ← - - - - - →

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG

2.1. Khái quát về công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

- Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

- Mã số thuế: 0201205254

- Đăng ký lần đầu : ngày 06 tháng 10 năm 2011 tại Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hải Phòng

• **Tên công ty:** CÔNG TY TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

• **Địa chỉ, trụ sở chính:** số 5A đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

• **Ngành nghề kinh doanh chính:** Buôn bán ô tô, xe máy.

• **Vốn điều lệ:** 1.900.000.000

• **Loại hình kinh doanh:** công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

• **Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động**

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

***Thuận lợi:**

- ✓ Công ty có đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình trong công việc, luôn có tinh thần trách nhiệm cao.
- ✓ Cơ sở vật chất tốt như: máy móc tiết bị mới, khu vực làm việc rộng rãi, đảm bảo an toàn ao động cho công nhân viên trong công ty.
- ✓ Bộ máy quản lý chuyên nghiệp dễ dàng giám sát, kiểm tra.
- ✓ Môi trường làm việc văn minh lành mạnh.
- ✓ Chính phủ Việt Nam đã đưa ra các chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào kinh doanh ô tô trong nước
- ✓ Nhà nước hỗ trợ thuế dẫn đến việc giá đầu vào sẽ giảm.

*** Khó khăn:**

Trong thời kỳ hội nhập hiện nay thì công ty gặp phải một số khó khăn như:

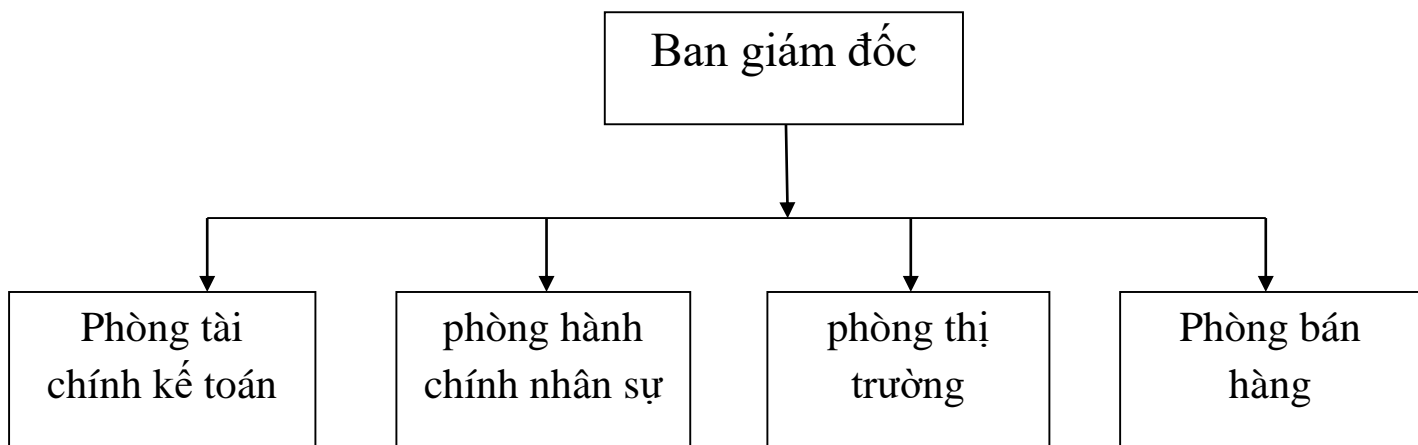
- ✓ do xu hướng hội nhập thì việc nhập khẩu các mặt hàng về Việt Nam ngày càng tăng dẫn đến việc công ty sẽ có nhiều đối thủ cạnh tranh.
- ✓ Thuế tăng dẫn đến việc tăng giá các loại mặt hàng nhập khẩu....
 - **Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được:**
 - Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh

- ❖ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (mã G4511)
- ❖ Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (mã G4513)
- ❖ Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (mãG 45200)
- ❖ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (mã G4530)
- ❖ **Bán mô tô, xe máy (mã G4541)**
- ❖ Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (mã G4542)
- ❖ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (mã G4543)
- ❖ Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm bảo hiểm và chứng khoán) (mã G4610)

2.1.3.Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hiện nay của công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: “Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong”

**Chức năng của từng phòng ban:*

➤ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Phòng Hành chính – Nhân sự:** Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp

lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự.

- **Phòng Thị trường:** Chịu trách nhiệm về phần hình ảnh của công ty, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.
- **Phòng bán hàng:** thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu của giám đốc đề ra. Quản trị hàng hóa, phân phối hàng hóa cho các cửa hàng. Tham mưu đề xuất ý kiến cho ban giám đốc để xử lý các công tác có liên quan đến hoạt động của công ty.

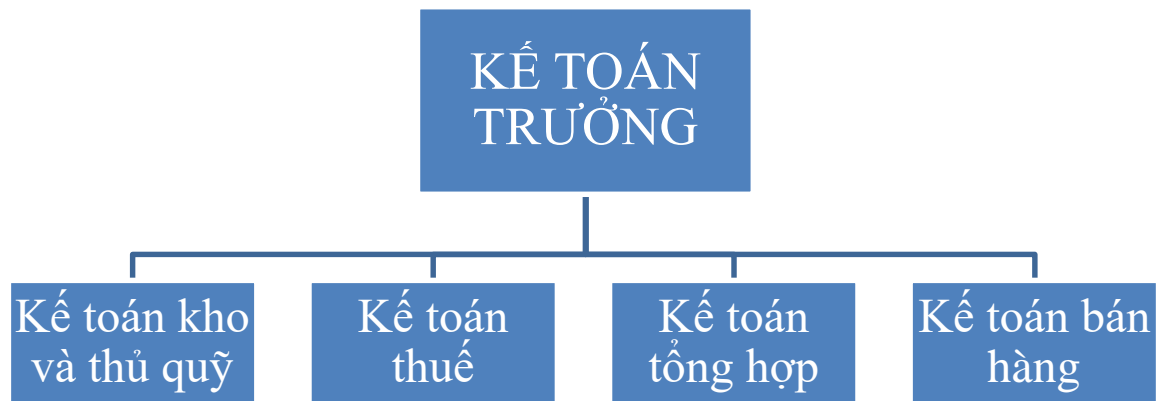
Như vậy mỗi phòng ban có một chức năng riêng nhưng chúng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc đã tạo nên một chuỗi mắt trong guồng máy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vị trí vai trò của mỗi phòng ban là khác nhau nhưng mục đích vẫn đảm bảo mọi hoạt động của công ty được diễn ra trôi chảy.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.



Sơ đồ 2.2:” Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong”

**Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán:*

▪ **Kế toán trưởng**

Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn độc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành

▪ **Kế toán kho và thủ quỹ**

- Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn.

- Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

▪ **Kế toán thuế**

Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách

▪ **Kế toán tổng hợp**

- Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.
- Phát hiện, kiểm tra lại những thiếu sót của cấp dưới trước khi báo cáo lên kế toán trưởng.

▪ **Kế toán bán hàng**

Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

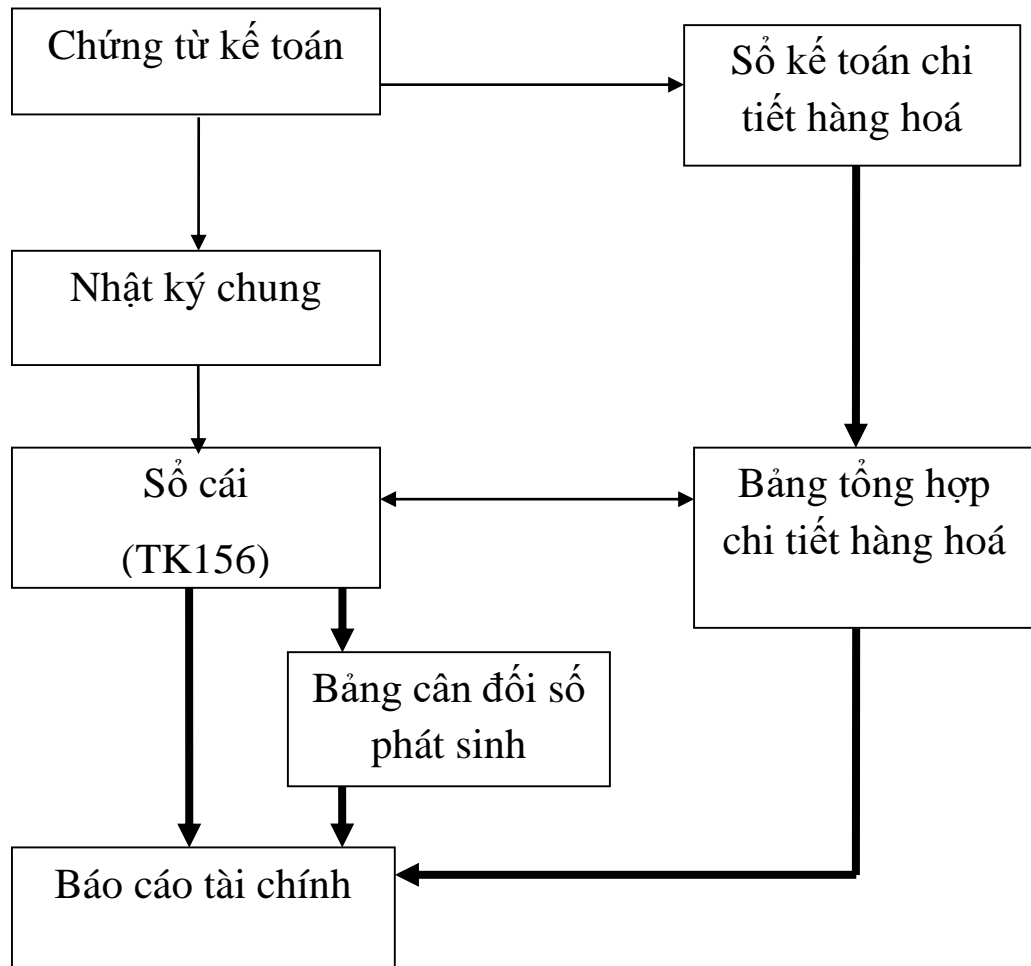
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3: “Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hoá tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong theo hình thức Nhật ký chung”



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã

ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ , thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung , các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ , thẻ kế toán chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

2.2.1. Thủ tục nhập xuất:

*** Thủ tục nhập kho hàng hóa:**

Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng hóa dự trữ trong kho và đơn hàng của các khách hàng, phòng bán hàng sẽ lập kế hoạch mua hàng, Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng bán hàng trình kế hoạch mua hàng lên Giám đốc chờ xét duyệt. Nhân viên phòng bán hàng đi mua hàng, có trách nhiệm nhận hàng đầy đủ và mang hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa về công ty. Hàng hóa được vận chuyển về kho của công ty (công ty tự vận chuyển hoặc được công ty bán hàng vận chuyển hoặc thuê ngoài).

Tại kho, thủ kho kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và tiến hành nhập kho. Sau khi kiểm tra về tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn GTGT của hàng mua về, kiểm tra số lượng cùng loại, quy cách hàng hóa. Căn cứ vào số liệu thực tế và hóa đơn GTGT hoặc giấy báo nhận hàng, phiếu nhập kho hàng hóa được kế toán lập thành 3 liên:

- Liên 1: lưu lại cuống.
- Liên 2: giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Thủ kho giữ để vào thẻ kho.

Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng bán hàng cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao hàng ngay tại kho nên sau khi

kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hóa đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Cách tính giá hàng hóa nhập kho:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế VAT.
- Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: Vận chuyển, xếp dỡ,...
- Các khoản giảm trừ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị nhập kho trả lại.

Công ty áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Tại công ty chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn.

*Thủ tục xuất kho hàng hoá

Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong chủ yếu xuất kho là để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Hàng hóa sau khi được kiểm tra theo đúng các quy định sẽ bắt đầu tiến hành làm thủ tục xuất kho.

- Khách hàng đến mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập phiếu xuất kho cho khách hàng

Giá thực tế hàng hóa xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hoá tồn kho trước khi xuất lần } i}{\text{Số lượng hàng hoá tồn kho trước khi xuất lần } i}$$

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán ghi vào sổ kế toán.

- Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hóa. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hóa đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và biên bản giao nhận hàng hóa.

- Nhân viên giao nhận hàng hóa nhận hàng và chứng từ gồm: Hóa đơn GTGT và biên bản giao nhận hàng hóa giao cho người mua. (Công ty vận chuyển hoặc khách hàng tự vận chuyển).

2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi tiết và tổng hợp hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

Hàng hóa trong Công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán hàng tồn kho phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của hàng hóa. Hạch toán được ghi chép thường xuyên liên tục các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp để nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

- Kế toán chi tiết hàng hoá tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong theo phương pháp thẻ song song.
- Kế toán tổng hợp hàng hoá tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ khác liên quan

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

- Tk 156: Hàng hóa
- Các tài khoản khác có liên quan:
 - + Tk 111: Tiền mặt
 - + TK112: Tiền gửi ngân hàng
 - + TK 331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán
 - + TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

+ TK 632: Giá vốn hàng bán

*** Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh**

Ví dụ 1: Ngày 18/12/2016 công ty mua xe của công ty TNHH Hồng Hạnh chưa thanh toán giá trị : 113.650.000 (bao gồm VAT 10%)

ĐK: Nợ TK 156 :103.318.182

Nợ TK 133: 10.331.818

Có TK 331: 113.650.000

• Chứng từ sử dụng :

- + Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.1)
- + Biên bản giao nhận (Biểu số 2.2)
- + Phiếu nhập kho (Biểu số 2.3)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT

| HOÁ ĐƠN | | | Mẫu số: 01 GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|---------------------------------------|-------------------------|--|-------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Ký hiệu: AA/15P | | |
| Liên 2: Giao cho khách hàng. | | | Số: 0009657 | | |
| Ngày 18 tháng 12 năm 2016 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hồng Hạnh Mã số thuế: 0100777797 Địa chỉ: Số 2F , phố Quang Trung, Hà nội . Điện thoại: 0439749797 Số tài khoản: 3100211021066 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Mã số thuế: 0201205254 Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng , P Anh Dũng , Q.Đương Kinh , Hải Phòng Hình thức thanh toán:TM.....; Số tài khoản:..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Xe máy Airblade F1-2 | Chiếc | 1 | 33.000.000 | 33.000.000 |
| 2 | Xe máy Airblade F1-4 | Chiếc | 1 | 34.727.273 | 34.727.273 |
| 3 | Xe máy Airblade F1-3 | Chiếc | 1 | 35.590.909 | 35.590.909 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 103.318.182 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 10.331.818 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 113.650.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |

Biểu số 2.2. Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

- Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng , P Anh Dũng , Q.Dương Kinh , Hải Phòng - Điện thoại: Fax:

- Đại diện: Ông: Bùi Duy Đô Chức vụ: nhân viên phòng kinh doanh

Bên B (Bên giao hàng): Công ty TNHH Hồng Hạnh

- Địa chỉ: Số 2F, phố Quang Trung, Hà nội.

- Điện thoại 024 3974 9797: Fax:

- Đại diện: Ông: Lê Minh Ngọc Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

- Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hóa bàn giao như sau:

| STT | Tên quy cách vật liệu | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đúng quy cách | Không đúng quy cách |
|-----|-----------------------|-------|-------|----------|---------------|---------------------|
| 1 | Xe máy Airblade F1 | 2 | Chiếc | 1 | x | |
| | Xe máy Airblade F1 | 4 | Chiếc | 1 | x | |
| | Xe máy Airblade F1 | 3 | Chiếc | 1 | x | |

- Kèm theo chứng từ + Hóa đơn giá trị gia tăng

- Biên bản kết thúc vào hồi 14h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty ô tô xe máy
Thuận Phong

PHIẾU NHẬP KHO

Mẫu số 01-VT

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng,
P. Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải
Phòng.

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Số: PN 00061

(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

Nợ TK 156

Có TK 331

Họ và tên người giao: công ty TNHH Hồng Hạnh

Theo HĐGTGT 0009657 ngày 18 tháng 12 năm 2016 của Cty TNHH Hồng
Hạnh

Nhập tại kho: Hàng hóa

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---|-------|-------------|---------------|-----------|----------------|--------------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | AirBlade F1-2 | 2 | Chiếc | 1 | 1 | 33.000.000 | 33.000.000 |
| 2 | AirBlade F1-4 | 4 | Chiếc | 1 | 1 | 34.727.273 | 34.727.273 |
| 3 | AirBlade F1-3 | 3 | Chiếc | 1 | 1 | 35.590.909 | 35.590.909 |
| | Cộng | | | | | | 103.318.182 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh ba triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm mười tám đồng

- Chứng từ gốc kèm theo: HĐ 0009657

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Căn cứ phiếu nhập kho (biểu số 2.3), thủ kho ghi thẻ kho (Biểu số 2.4)

Biểu số 2.4. Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Q.Dương Kinh, Hải Phòng

Thẻ kho

Tên hàng hóa:4 -AirBlade F1

Ngày mở thẻ: 1/12/2016

Đơn vị: chiếc

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập xuất | Số lượng | | |
|--------------|----------------|----------------|----------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|
| | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn |
| | | | SDDK | | | | 14 |
| | ... | | | | | | |
| 15/12 | PN00060 | | Mua xe máy AirBlade | 15/12 | 2 | | 4 |
| 18/12 | PN00061 | | Mua xe máy AirBlade | 18/12 | 1 | | 5 |
| 21/12 | | PX00301 | Bán xe máy Airblade | 21/12 | | 1 | 4 |
| 22/12 | | PX00306 | Bán xe máy Honda AirBlade | 22/12 | | 1 | 3 |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 28 | 39 | |
| | | | <u>Cộng số dư cuối kỳ</u> | | | | 3 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

- Căn cứ hoá đơn GTGT (biểu số 2.1), phiếu nhập kho (biểu số 2.3), kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Biểu số 2.5)

Biểu số 2.5: sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Q. Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số: S07-DN

(Ban hành kèm theo Quyết định Số
48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU , DỤNG CỤ , SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 Năm 2016

Tên hàng hóa: 4-AirBlade F1

Đơn vị tính: chiếc

| Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------------|--------------|----------------------------|------------|-------------------|-----------|--------------------|-----------|----------------------|-----------|--------------------|
| Số hiệu | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Số dư đầu kỳ | | 34.636.363 | | | | | 14 | 484.909.087 |
| | | | | | | | | | | |
| PN00060 | 15/12 | Mua xe máy Airblade | 331 | 34.727.273 | 2 | 69.454.545 | | | 4 | 138.909.090 |
| PN00061 | 18/12 | Mua xe máy AirBlade | 331 | 34.727.273 | 1 | 34.727.273 | | | 5 | 173.636.363 |
| PX00301 | 21/12 | Bán xe máy Airblade | 632 | 34.727.273 | | | 1 | 34.727.273 | 4 | |
| | | | | | | | | | | |
| | | Cộng phát sinh | | | 28 | 972.363.636 | 39 | 1.353.090.905 | 3 | 104.181.818 |
| | | Cộng dư cuối kỳ | | | | | | | 3 | 104.181.818 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

- Căn cứ hoá đơn GTGT (biểu số 2.1), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.6. Sổ Nhật ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P. Anh Dũng

Q. Dương Kinh, Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|--------------|---------------|-------|--|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| | | | | | | |
| 15/12 | PN 00060 | 15/12 | Nhập xe của công ty TNHH Hồng Hạnh, chưa thanh toán | 156 | 258.318.182 | |
| | | | | 1331 | 25.831.818 | |
| | | | | 331 | | 284.150.000 |
| 18/12 | PN 00061 | 18/12 | Nhập xe của công ty TNHH Hồng Hạnh, chưa thanh toán | 156 | 103.318.182 | |
| | | | | 1331 | 10.331.818 | |
| | | | | 331 | | 113.650.000 |
| 21/12 | PX 00300 | 21/12 | Giá vốn xe máy AirBlade | 632 | 35.590.909 | |
| | | | | 156 | | 35.590.909 |
| | HĐ000 0813 | | Bán xe máy AirBlade cho khách, đã thu bằng tiền mặt | 1111 | 39.500.000 | |
| | | | | 511 | | 35.909.091 |
| | | | | 3331 | | 3.590.909 |
| 21/12 | PX 00301 | 21/12 | Giá vốn xe máy AirBlade | 632 | 34.727.273 | |
| | | | | 156 | | 34.727.273 |
| | HĐ000 0814 | | Bán xe máy AirBlade cho khách, đã thu bằng tiền mặt | 1111 | 38.500.000 | |
| | | | | 511 | | 35.000.000 |
| | | | | 3331 | | 3.500.000 |
| ... | .. | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 44.316.969.998 | 44.316.969.998 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Từ sổ nhật ký chung (biểu số 2.6) kế toán ghi sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.7)

Biểu số 2.7. Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu: 156

ĐVT : Đồng

| NT Ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | SH TK Đ/U' | Số tiền | |
|--------------|-----------------|-------|---|------------------|-----------------------------|----------------------|
| | Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | <u>1.323.821.958</u> | |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 15/12 | PN 00060 | 15/12 | Mua xe máy của công ty Hồng hạnh, chưa thanh toán | 331 | 258.318.182 | |
| 18/12 | PN 00061 | 18/12 | Mua xe máy của công ty Hồng hạnh, chưa thanh toán | 331 | 103.318.182 | |
| 21/12 | PX 00300 | 21/12 | Bán xe máy AirBlade | 632 | | 35.590.909 |
| 21/12 | PX 00301 | 21/12 | Bán xe máy AirBlade | 632 | | 34.727.273 |
| 28/12 | PC 00126 | 28/12 | Mua xe máy ESPERO | 1111 | 17.100.000 | |
| 29/12 | PT 00333 | 29/12 | Bán xe máy VIETTHAI | 632 | | 7.454.545 |
| ... | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 3.886.181.806 | 4.255.869.235 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | <u>954.134.529</u> | |

- Ngày mở sổ: 1/1/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: : Ngày 21 /12/2016 , bán xe máy AirBlade F1-4 cho khách hàng

giá vốn 34.727.273 đồng , giá bán 35.000.000 đồng (chưa thuế 10%)

ĐK 1. Nợ TK 632: 34.727.273

2. Nợ TK 1111: 38.500.000

Có TK 156: 34.727.273

Có TK 511: 35.000.000

Có TK 3331: 3.500.000

➤ **Tính giá xuất kho xe máy AirBlade F1-4 ngày 21 tháng 12 năm 2016**

Căn cứ vào sổ chi tiết hàng hoá mở cho xe Air blade F1-4 (biểu 2.5) có:

Trị giá hàng tồn cuối ngày 18/12 = 173.636.363

Lượng hàng tồn cuối ngày 18/12 = 5

Đơn giá xuất kho bình quân ngày 21/12

= $\frac{173.636.363}{5} = 34.727.272,67$ đồng/chiếc

5

Ngày 21 tháng 12 xuất 1 chiếc xe máy Airblade F1 -4 theo phiếu xuất số 00301

⇒ Trị giá xuất 1 chiếc = 1 x 34.727.272,67 = 34.727.273 đồng

**Chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho (Biểu số 2.8)

- Hoá đơn GTGT (biểu số 2.9)

Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty ô tô xe máy

PHIẾU XUẤT KHO

Mẫu số 02-VT

Thuận Phong

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn
Đồng, P. Anh Dũng, Q.
Đương Kinh, Hải Phòng

Ngày 21 tháng 12 năm 2016
Số:PX 00301

(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên nhận hàng: Đặng Ngọc Long

Địa chỉ : Số 23 Khu 5 tầng – Tô Hiệu – Hồ Nam – Lê Chân – Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán xe máy AirBlabe F1- 4

Xuất tại kho: hàng hóa

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---|-------|-------------|----------|-----------|----------------|-------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Xe máy AirBlade F1-4 | 4 | Chiếc | 1 | 1 | 34.727.273 | 34.727.273 |
| | Cộng | | | 1 | 1 | | 34.727.273 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba tư triệu bảy trăm hai bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng.

- Chứng từ gốc kèm theo.....

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(họ và tên) (họ và tên) (họ và tên) (họ và tên) (họ và tên)

Biểu số 2.9. Hóa đơn GTGT

| | |
|----------------|-------------------------|
| HOÁ ĐƠN | Mẫu số: 01 GTKT3/001 |
|----------------|-------------------------|

| | | | | | |
|---|-----------------------|---------------------------------------|----------|--|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu: AA/15P | | | |
| Liên 3: Nội bộ. | | Số: 0000814 | | | |
| Ngày 21 tháng 12 năm 2016 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | | | | | |
| Mã số thuế: 0201205254 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 5A, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: ...Đặng Ngọc Long..... | | | | | |
| Tên đơn vị: | | | | | |
| Mã số thuế:.....Điện thoại..... | | | | | |
| Địa chỉ: Số 23 khu 5 tầng, Tô Hiệu, Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán:TM...; Số tài khoản:..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Xe máy Airblade F1-4 | Chiếc | 1 | 35.000.000 | 35.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 35.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 3.500.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 38.500.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |

- Căn cứ vào phiếu xuất kho (biểu số 2.8), thủ kho ghi thẻ kho (biểu số 2.4).
- Căn cứ vào hoá đơn GTGT (biểu số 2.9), phiếu xuất kho (biểu số 2.8), kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (biểu số 2.5).

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.9), kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.6).
- Từ sổ nhật ký chung (biểu số 2.6) kế toán ghi sổ cái tài khoản 156 (biểu số 2.7).

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2016, công ty mua xe của công ty TNHH Hồng Hạnh, chưa thanh toán, giá trị: 258.318.182 đồng(chưa thuế VAT 10%)

Định khoản

Nợ TK 156: 258.318.182

Nợ TK 1331: 25.831.818

Có TK 331: 284.150.000

*Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.10)
- Biên bản giao nhận (Biểu số 2.11)
- Phiếu nhập kho (Biểu số 2.12)

Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT

| | |
|-------------------------|------------|
| HOÁ ĐƠN | Mẫu số: 01 |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | GTKT3/001 |

| Liên 2: Giao cho khách hàng. | | Ký hiệu: AA/15P | | | |
|---|-----------------------|---------------------------------------|----------|--|----------------------------|
| Ngày 15 tháng 12 năm 2016 | | Số: 0009577 | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hồng Hạnh | | | | | |
| Mã số thuế: 0100777797 | | | | | |
| Địa chỉ: số 2F, phố Quang Trung, Hà Nội | | | | | |
| Điện thoại: 0439749797 | | | | | |
| Số tài khoản: 3100211021066 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: ..Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong | | | | | |
| Mã số thuế: ..0201205254..... | | | | | |
| Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán: ...CK.....; Số tài khoản:..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Xe SH Mode | Chiếc | 2 | 43.636.364 | 87.272.728 |
| 2 | Xe 2-AirBlade F1 | Chiếc | 2 | 33.000.000 | 66.000.000 |
| 3 | Xe 4-AirBlade F1 | Chiếc | 2 | 34.727.272 | 69.454.545 |
| 4 | Xe 3-AirBlade F1 | Chiếc | 1 | 35.590.909 | 35.590.909 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 258.318.182 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | | Tiền thuế GTGT: 25.831.818 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 284.150.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm tám mươi tư triệu một trăm năm mươi nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| <small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small> | | | | | |

Biểu số 2.11. Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

- Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện: Ông: Bùi Duy Đô Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B (Bên giao hàng)

- Địa chỉ: Số 2F, phố Quang Trung, Hà Nội

- Điện thoại: 024 3974 9797 Fax:

- Đại diện: Ông: Lê Minh Ngọc Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

- Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hóa bàn giao như sau:

| STT | Tên quy cách vật liệu | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đúng quy cách | Không đúng quy cách |
|-----|-----------------------|-------|-------|----------|---------------|---------------------|
| 1 | Xe SH Mode | | Chiếc | 2 | X | |
| 2 | Xe 2-AirBlade F1 | 2 | Chiếc | 2 | X | |
| 3 | Xe 4-AirBlade F1 | 4 | Chiếc | 2 | X | |
| 4 | Xe 3-AirBlade F1 | 3 | Chiếc | 1 | X | |
| | | | | | | |

- Kèm theo chứng từ + Hóa đơn giá trị gia tăng

- Biên bản kết thúc vào hồi 14h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Biểu số 2.12. Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty ô tô xe máy
Thuận Phong

PHIẾU NHẬP KHO

Mẫu số 01-VT

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn
Đông, P. Anh Dũng, Q.
Đương Kinh, Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2016
Số: PN 00060

(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

Nợ TK 156

Có TK 331

Họ và tên người giao: công ty TNHH Hồng Hạnh

Theo HĐGTGT 0009577 ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Cty TNHH Hồng
Hạnh

Nhập tại kho: Hàng hóa

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---|---------|-------------|---------------|-----------|----------------|--------------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Xe SH Mode | VT00011 | Chiếc | 2 | 2 | 43.636.364 | 87.272.728 |
| 2 | AirBlade F1 | 2 | Chiếc | 2 | 2 | 33.000.000 | 66.000.000 |
| 3 | AirBlade F1 | 4 | Chiếc | 2 | 2 | 34.727.272 | 69.454.545 |
| 4 | AirBlade F1 | 3 | Chiếc | 1 | 1 | 35.590.909 | 35.590.909 |
| | Cộng | | | | | | 258.318.182 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm tám triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng.

-Chứng từ gốc kèm theo: HĐ 0009577

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

➤ Căn cứ phiếu nhập kho (biểu số 2.12), thủ kho ghi thẻ kho (biểu số 2.13).

Biểu số 2.13. Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S09-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định Số
48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006
của Bộ Tài Chính)

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Q.Dương Kinh, Hải Phòng

Thẻ kho

Tên hàng hóa:3-AirBlade F1

Đơn vị : chiếc

Ngày mở thẻ 1/12/2016

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập xuất | Số lượng | | |
|--------------|----------------|----------------|----------------------------------|----------------|----------|----------|----------|
| | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn |
| | | | SDDK | | | | 2 |
| 15/12 | PN00060 | | Mua xe máy AirBlade | 15/12 | 1 | | 3 |
| 18/12 | PN00123 | | Mua xe máy AirBlade | 18/12 | 1 | | 4 |
| 21/12 | | PX00300 | Bán xe máy Airblade | 21/12 | | 1 | 3 |
| 30/12 | | PX00310 | Bán xe máy Honda AirBlade | 30/12 | | 1 | 2 |
| | | | Cộng phát sinh | | 2 | 2 | |
| | | | <u>Cộng số dư cuối kỳ</u> | | | | 2 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

- Căn cứ hoá đơn GTGT (biểu số 2.10), phiếu nhập kho (biểu số 2.12) kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (biểu số 2.14)

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S07-DN

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định Số
48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU , DỤNG CỤ , SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tháng 12- Năm 2016

Tên hàng hóa: 3-AirBlade F1

| Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|-------|---------------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|
| Số hiệu | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Số dư đầu kỳ | | 35.590.909 | | | | | 2 | 71.181.818 |
| PN00060 | 15/12 | Mua xe máy Airblade | 331 | 35.590.909 | 1 | 35.590.909 | | | 3 | 106.772.727 |
| PN00123 | 18/12 | Mua xe máy AirBlade | 331 | 35.590.909 | 1 | 35.590.909 | | | 4 | 142.363.636 |
| PX00300 | 21/12 | Bán xe máy Airblade | 632 | 35.590.909 | | | 1 | 35.590.909 | 3 | 106.772.727 |
| PX00310 | 30/12 | Bán xe máy Honda AirBlade | 632 | 35.590.909 | | | 1 | 35.590.909 | 2 | 71.181.818 |
| | | Cộng phát sinh | | | 2 | 71.181.818 | 2 | 71.181.818 | | |
| | | Công dư cuối kỳ | | 35.590.909 | | | | | 2 | 71.181.818 |

Ngày 31/12/2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT (biểu số 2.10), kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.15).
- Từ sổ nhật ký chung (biểu số 2.15) kế toán ghi sổ cái tài khoản 156 (biểu số 2.16).

Ví dụ 4 : Ngày 21/12/2016, bán xe máy AirBlade cho khách hàng giá vốn là 35.590.909 đồng, giá bán: 35.909.091 đồng(chưa thuế 10%)

Định khoản

1.Nợ TK 632: 35.590.909

Có TK 156: 35.590.909

2. Nợ TK 1111: 39.500.000

Có TK 511:35.909.091

Có TK 3331:3.590.909

Tính giá xuất kho hàng hóa xe 3-AirBlade F1:

Căn cứ vào sổ chi tiết hàng hoá mở cho xe 3-AirBlade F1(biểu 2.14) có:

- Trị giá hàng tồn cuối ngày 18/12 = 142.363.636
- Lượng hàng tồn cuối ngày 18/12 = 4
- Đơn giá xuất xe 3-Airblade F1 ngày 21/12

$$= \frac{142.363.636}{4} = 35.590.909 \text{ đồng/chiếc}$$

• Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Biểu số 2.17)
- Hoá đơn GTGT (biểu số 2.18)

Biểu số 2.17. Phiếu xuất kho**Đơn vị:** Công ty ô tô xe máy
Thuận Phong**PHIẾU XUẤT KHO****Mẫu số 02-VT****Địa chỉ:** số 5A, Phạm Văn
Đông, P. Anh Dũng, Q.
Dương Kinh, Hải Phòng

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC

Số:PX 00300

Ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên nhận hàng: Nguyễn Bá Khánh

Địa chỉ : chung cư Phương Lưu C, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán xe máy AirBlabe

Xuất tại kho: hàng hóa

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---|-------|-------------|----------|-----------|----------------|-------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Xe máy AirBlade F1 | 3 | Chiếc | 1 | 1 | 35.590.909 | 35.590.909 |
| | Cộng | | | 1 | 1 | | 35.590.909 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba năm triệu lăm trăm chín mươi nghìn chín trăm linh chín đồng.

-Chứng từ gốc kèm theo

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

| | | | | |
|-----------------|-----------------|-------------|----------------|-------------|
| Người lập phiếu | Người nhận hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (họ và tên) | (họ và tên) | (họ và tên) | (họ và tên) | (họ và tên) |

Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT

| HOÁ ĐƠN | | | Mẫu số: 01 | | |
|---|-----------------------|---------------------------------------|-----------------|--|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | GTKT3/001 | | |
| Liên 3: Nội bộ. | | | Ký hiệu: AA/15P | | |
| Ngày 21 tháng 12 năm 2016 | | | Số: 0000813 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong | | | | | |
| Mã số thuế: 0201205254 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 5A, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. | | | | | |
| Số tài khoản:..... | | | | | |
| Họ tên người mua hàng:Nguyễn Bá Khánh..... | | | | | |
| Tên đơn vị: | | | | | |
| Mã số thuế:.....Điện thoại:..... | | | | | |
| Địa chỉ: chung cư Phương Lưu C, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng..... | | | | | |
| Hình thức thanh toán:TM.....; Số tài khoản:..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Xe máy Airblade F1-3 | Chiếc | 1 | 35.909.091 | 35.909.091 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 35.909.091 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 3.590.909 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 39.500.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |

- Căn cứ phiếu xuất kho (biểu số 2.17), thủ kho ghi thẻ kho (biểu số 2.13).
- Căn cứ hoá đơn GTGT (biểu số 2.18), phiếu xuất kho (biểu số 2.17), kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (biểu số 2.14).
- Căn cứ vào hoá đơn GTGT (biểu số 2.18) kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.6).
- Từ sổ nhật ký chung (biểu số 2.6) kế toán ghi sổ cái tài khoản 156 (biểu số 2.7).
- Căn cứ vào sổ chi tiết hàng hoá (biểu số 2.5), (biểu số 2.14) cuối tháng kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá (biểu 2.19)

Biểu số 2.19: bảng tổng hợp hàng hoá**Đơn vị:** Công ty ô tô xe máy Thuận Phong**Địa chỉ:** số 5A, Phạm Văn Đồng, P. Anh Dũng,

Q. Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số: S07-DN(Ban hành kèm theo Quyết định Số
48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006
của Bộ Tài Chính)**Bảng tổng hợp hàng hoá**

TK156

Tháng 12/2016

| STT | Tên hàng hoá | Tồn đầu tháng | | Nhập trong tháng | | Xuất trong tháng | | Tồn cuối tháng | |
|-----|------------------|---------------|-------------|------------------|---------------|------------------|---------------|----------------|-------------|
| | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| 1 | Xe 3-Airblade F1 | 2 | 71.181.818 | 2 | 71.181.818 | 2 | 71.181.818 | 2 | 71.181.818 |
| 2 | Xe 4-Airblade F1 | 14 | 484.909.087 | 28 | 972.363.636 | 39 | 1.353.090.905 | 3 | 104.181.818 |
| | ... | | ... | | ... | | ... | | ... |
| | Cộng | | 674.800.958 | | 1.986.280.806 | | 1.706.947.235 | | 954.134.529 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

➤ Căn cứ vào sổ cái TK156 (biểu số 2.7), cuối năm kế toán lập bảng cân đối tài khoản (biểu 2.20)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2015

Mã số thuế: **0201205254**

Người nộp thuế: **Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong**

ĐVT: Đồng VN

| STT | Tên tài khoản | Số hiệu | Số dư đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số dư cuối năm | |
|----------|--------------------------------|------------|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|--------------------|----------|
| | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Tiền mặt | 111 | 1,198,147,209 | 0 | 6,866,748,000 | 7,676,353,833 | 388,541,376 | 0 |
| 2 | Tiền Việt Nam | 1111 | 1,198,147,209 | 0 | 6,866,748,000 | 7,676,353,833 | 388,541,376 | 0 |
| 3 | Ngoại tệ | 1112 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý | 1113 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tiền gửi Ngân hàng | 112 | 35,166,325 | 0 | 8,378,949,237 | 8,391,512,949 | 22,602,613 | 0 |
| 6 | Tiền Việt Nam | 1121 | 35,166,325 | 0 | 8,378,949,237 | 8,391,512,949 | 22,602,613 | 0 |
| 7 | Ngoại tệ | 1122 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý | 1123 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 121 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Phải thu của khách hàng | 131 | 0 | 105,716,340 | 2,465,626,500 | 2,136,827,500 | 39,345,660 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-----------|---|------------|--------------------|----------|--------------------|--------------------|--------------------|----------|
| 11 | Thuế GTGT được khấu trừ | 133 | 177,153,457 | 0 | 359,822,704 | 457,039,496 | 79,936,665 | 0 |
| 12 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 1331 | 117,153,457 | 0 | 359,822,704 | 457,039,496 | 19,936,665 | 0 |
| 13 | Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ | 1332 | 60,000,000 | 0 | 0 | 0 | 60,000,000 | 0 |
| 14 | Phải thu khác | 138 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 1381 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 16 | Phải thu khác | 1388 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17 | Tạm ứng | 141 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 142 | 58,228,556 | 0 | 179,190,068 | 42,244,545 | 195,174,079 | 0 |
| 19 | Nguyên liệu, vật liệu | 152 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 20 | Công cụ, dụng cụ | 153 | 58,795,900 | 0 | 20,181,818 | 58,795,900 | 20,181,818 | 0 |
| 21 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 154 | 0 | 0 | 9,187,428 | 9,187,428 | 0 | 0 |
| 22 | Thành phẩm | 155 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 23 | Hàng hoá | 156 | 1,323,821,958 | 0 | 3,886,181,806 | 4,255,869,235 | 954,134,529 | 0 |
| 24 | Hàng gửi đi bán | 157 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 25 | Các khoản dự phòng | 159 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 26 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | 1591 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 27 | Dự phòng phải thu khó đòi | 1592 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 28 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1593 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 29 | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 171 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 30 | Tài sản cố định | 211 | 600,000,000 | 0 | 0 | 0 | 600,000,000 | 0 |
| 31 | TSCĐ hữu hình | 2111 | 600,000,000 | 0 | 0 | 0 | 600,000,000 | 0 |
| 32 | TSCĐ thuê tài chính | 2112 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|------------|-------------------|---------------|--------------------|--------------------|-------------------|-------------|
| 33 | TSCĐ vô hình | 2113 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 34 | Hao mòn TSCĐ | 214 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 35 | Hao mòn TSCĐ hữu hình | 2141 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 36 | Hao mòn TSCĐ thuê tài chính | 2142 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 37 | Hao mòn TSCĐ vô hình | 2143 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 38 | Hao mòn bất động sản đầu tư | 2147 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 39 | Bất động sản đầu tư | 217 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 40 | Đầu tư tài chính dài hạn | 221 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 41 | Vốn góp liên doanh | 2212 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 42 | Đầu tư vào công ty liên kết | 2213 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 43 | Đầu tư tài chính dài hạn khác | 2218 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 44 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 229 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 45 | Xây dựng cơ bản dở dang | 241 | 51,595,273 | 0 | 0 | 0 | 51,595,273 | 0 |
| 46 | Mua sắm TSCĐ | 2411 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 47 | Xây dựng cơ bản dở dang | 2412 | 51,595,273 | 0 | 0 | 0 | 51,595,273 | 0 |
| 48 | Sửa chữa lớn TSCĐ | 2413 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 49 | Chi phí trả trước dài hạn | 242 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 50 | Ký quỹ, ký cược dài hạn | 244 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 51 | Vay ngắn hạn | 311 | 0 | 1,990,000,000 | 4,980,000,000 | 2,990,000,000 | 0 | 0 |
| 52 | Nợ dài hạn đến hạn trả | 315 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 53 | Phải trả cho người bán | 331 | 421,196,761 | 0 | 2,839,350,000 | 3,757,313,909 | 0 | 496,767,148 |
| 54 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 333 | 5,497,170 | 0 | 458,039,496 | 463,310,649 | 226,017 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|------------|-----------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 55 | Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 3331 | 0 | 0 | 457,039,496 | 457,039,496 | 0 | 0 |
| 56 | Thuế GTGT đầu ra | 33311 | 0 | 0 | 457,039,496 | 457,039,496 | 0 | 0 |
| 57 | Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 33312 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 58 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 3332 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 59 | Thuế xuất, nhập khẩu | 3333 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 60 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3334 | 5,497,170 | 0 | 0 | 5,271,153 | 226,017 | 0 |
| 61 | Thuế thu nhập cá nhân | 3335 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 62 | Thuế tài nguyên | 3336 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 63 | Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 3337 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 64 | Các loại thuế khác | 3338 | 0 | 0 | 1,000,000 | 1,000,000 | 0 | 0 |
| 65 | Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3339 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 66 | Phải trả người lao động | 334 | 0 | 0 | 180,000,000 | 180,000,000 | 0 | 0 |
| 67 | Chi phí phải trả | 335 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 68 | Phải trả, phải nộp khác | 338 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 69 | Tài sản thừa chờ giải quyết | 3381 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 70 | Kinh phí công đoàn | 3382 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 71 | Bảo hiểm xã hội | 3383 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 72 | Bảo hiểm y tế | 3384 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 73 | Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3386 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 74 | Doanh thu chưa thực hiện | 3387 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 75 | Phải trả, phải nộp khác | 3388 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 76 | Bảo hiểm thất nghiệp | 3389 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|-----------|---|------------|----------|----------------------|----------|----------|----------|----------------------|
| 77 | Vay, nợ dài hạn | 341 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 78 | Vay dài hạn | 3411 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 79 | Nợ dài hạn | 3412 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 80 | Trái phiếu phát hành | 3413 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 81 | Mệnh giá trái phiếu | 34131 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 82 | Chiết khấu trái phiếu | 34132 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 83 | Phụ trội trái phiếu | 34133 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 84 | Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 3414 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 85 | Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm | 351 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 86 | Dự phòng phải trả | 352 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 87 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 353 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 88 | Quỹ khen thưởng | 3531 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 89 | Quỹ phúc lợi | 3532 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 90 | Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ | 3533 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 91 | Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty | 3534 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 92 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 356 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 93 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 3561 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 94 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ | 3562 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 95 | Nguồn vốn kinh doanh | 411 | 0 | 1,900,000,000 | 0 | 0 | 0 | 1,900,000,000 |
| 96 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 4111 | 0 | 1,900,000,000 | 0 | 0 | 0 | 1,900,000,000 |
| 97 | Thặng dư vốn cổ phần | 4112 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|------------|--|------------|------------|----------|--------------------|--------------------|------------|------------|
| 98 | Vốn khác | 4118 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 99 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 413 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 100 | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 418 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 101 | Cổ phiếu quỹ | 419 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 102 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 66,113,731 | 0 | 0 | 21,084,613 | 66,113,731 | 21,084,613 |
| 103 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước | 4211 | 66,113,731 | 0 | 0 | 0 | 66,113,731 | 0 |
| 104 | Lợi nhuận chưa phân phối năm nay | 4212 | 0 | 0 | 0 | 21,084,613 | 0 | 21,084,613 |
| 105 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 511 | 0 | 0 | 4,419,728,186 | 4,419,728,186 | 0 | 0 |
| 106 | Doanh thu bán hàng hoá | 5111 | 0 | 0 | 4,369,353,641 | 4,369,353,641 | 0 | 0 |
| 107 | Doanh thu bán các thành phẩm | 5112 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 108 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5113 | 0 | 0 | 50,374,545 | 50,374,545 | 0 | 0 |
| 109 | Doanh thu khác | 5118 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 110 | Doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 0 | 0 | 1,197,514 | 1,197,514 | 0 | 0 |
| 111 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 521 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 112 | Chiết khấu thương mại | 5211 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 113 | Hàng bán bị trả lại | 5212 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 114 | Giảm giá hàng bán | 5213 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 115 | Mua hàng | 611 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 116 | Giá thành sản xuất | 631 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 117 | Giá vốn hàng bán | 632 | 0 | 0 | 4,255,869,235 | 4,255,869,235 | 0 | 0 |
| 118 | Chi phí tài chính | 635 | 0 | 0 | 3,972,881 | 3,972,881 | 0 | 0 |
| 119 | Chi phí quản lý kinh doanh | 642 | 0 | 0 | 285,394,636 | 285,394,636 | 0 | 0 |

| | | | | | | | | |
|------------|---|------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| 120 | Chi phí bán hàng | 6421 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 121 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422 | 0 | 0 | 285,394,636 | 285,394,636 | 0 | 0 |
| 122 | Thu nhập khác | 711 | 0 | 0 | 150,666,818 | 150,666,818 | 0 | 0 |
| 123 | Chi phí khác | 811 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 124 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 821 | 0 | 0 | 5,271,153 | 5,271,153 | 0 | 0 |
| 125 | Xác định kết quả kinh doanh | 911 | 0 | 0 | 4,571,592,518 | 4,571,592,518 | 0 | 0 |
| 126 | Tổng cộng | | 3,995,716,340 | 3,995,716,340 | 44,316,969,998 | 44,133,232,998 | 2,417,851,761 | 2,417,851,761 |
| 127 | Tài sản thuê ngoài | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 128 | Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 129 | Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 130 | Nợ khó đòi đã xử lý | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 131 | Ngoại tệ các loại | 7 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |

Người ký: Bùi Duy Đô

CHƯƠNG 3 :MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ, XE MÁY THUẬN PHONG.

3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

3.1.1.Ưu điểm:

❖ *Tổ chức quản lý kinh doanh:*

Trong suốt quá trình từ khi thành lập công ty cổ phần TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong luôn có hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn phức tạp về nhiều mặt. Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong đã có những bước tiến rõ rệt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên
- Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng kinh doanh
- Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện nay.

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Các phòng ban hoạt động khá hiệu quả, nhanh chóng.

❖ *Tổ chức công tác kế toán:*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ, được tổ chức theo mô hình tập trung, mỗi kế toán viên đảm nhận chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ chuyên môn của từng người. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ chuyên môn vững vàng, có lòng

niệt tình và yêu nghề, luôn luôn cố gắng hoàn thành thật tốt những nhiệm vụ được giao.

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định của bộ tài chính.

❖ ***Hệ thống tài khoản:***

- Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

❖ ***Hệ thống chứng từ:***

Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng, rất thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu

❖ ***Hệ thống sổ sách:***

Hình thức kế toán Nhật ký chung với hệ thống sổ sách tổng hợp và chi tiết hoạt động của công ty góp phần tạo mối quan hệ mật thiết giữa các bộ phận kinh tế với nhau.

Công ty ghi chép đúng loại sổ sách, chứng từ theo đúng biểu mẫu được ban hành của chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu ghi chép và phản ánh thông tin một cách chính xác.

❖ ***Về kế toán chi tiết hàng hóa:***

Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong hạch toán chi tiết hàng hóa tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song. Đây là phương pháp khá đơn giản, dễ làm, dễ dàng thực hiện kiểm tra đối đối chiếu.

❖ ***Về kế toán tổng hợp hàng hóa:***

Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên nên rất tiện cho việc tính toán giá trị Nhập - xuất, tăng giảm hiện có của hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc quản lý cũng như kiểm tra hàng hóa.

❖ ***Về phương pháp tính giá hàng tồn kho:***

Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán công ty vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu, vừa phản ánh được tình hình biến động của thị trường.

3.1.2.Nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty vẫn còn tồn tại những khuyết điểm mà công ty cần phải hoàn thiện như sau:

- ***Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:*** công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán mà vẫn chỉ dùng những phần mềm thông thường như word, excel. Điều đó đôi khi làm cho công việc diễn ra chậm trễ, gây áp lực lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

- ***Về khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :*** Công ty vẫn chưa áp dụng trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Điều này rất dễ gây bất lợi cho công ty về việc xác định giá trị thuần và lợi nhuận thuần của mặt hàng trong kho kỳ thực tế.

3.2.Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong:

3.2.1.Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty:

- Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “ số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của Công ty. Như chúng ta đã biết hàng tồn kho là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn

của doanh nghiệp thương mại. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển để từ đó doanh nghiệp tiến tới tối đa hóa lợi nhuận và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường. Chính vì vậy công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp thương mại.

- Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng hóa tồn kho song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và chủ động hàng hóa để từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho Công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán kế toán hàng tồn kho tại Công ty là vô cùng quan trọng.

- Hoàn thiện giúp Công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán hàng tồn kho, giúp ban lãnh đạo Công ty nắm chắc tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho kế toán hàng tồn kho có thể nắm bắt chính xác số lượng, giá trị hàng tồn kho: đảm bảo hàng chất lượng, hàng kém chất lượng, hàng chậm tiêu thụ... để kịp thời điều chỉnh, đưa ra những biện pháp để giải quyết.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa:

Để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và công tác quản lý tốt hơn thì cần phải chú ý đến những yêu cầu dù là nhỏ nhất rất quan trọng. Kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán bán hàng nói riêng chính là công cụ đắc lực giúp cho doanh nghiệp có thể quản lý được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mình, luôn hướng cho doanh nghiệp tới sự hoàn thiện. Yêu cầu được đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là phải áp dụng kịp thời những chuẩn mực chính sách, thông tư hướng dẫn,... theo chế độ quản lý kế toán tài chính mới của Nhà nước đề ra. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Phải tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đó là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành, thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có

thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó cũng chính là cơ sở pháp lý của công tác kế toán để có thể so sánh, đối chiếu và thuận tiện cho việc kiểm tra, đào tạo đội ngũ kế toán.

- Công tác tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp tự lựa chọn một phương pháp kế toán, hình thức kế toán để áp dụng thích hợp với tình hình kinh doanh, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp mình (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...). Nếu doanh nghiệp áp dụng quá cứng nhắc một hình thức, phương pháp kế toán nào đó mà không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp thì ngẫu nhiên sẽ gây ra hậu quả bất hợp lý trong hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác kế toán như mong muốn của doanh nghiệp. Nhưng cho dù việc lựa chọn này có được linh động đến đâu thì mỗi doanh nghiệp vẫn phải đảm bảo tuân thủ các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đây là yêu cầu có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Trong trường hợp thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này sẽ khiến nhà quản lý đưa ra những quyết định không đúng đắn, ảnh hưởng đến tình hình cũng như tiến độ sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp. Thông tin được kế toán cung cấp được coi như là lời diễn giải về tình hình thực tế hoạt động của toàn doanh nghiệp, đây cũng chính là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vậy nên thông tin mà kế toán cung cấp sẽ quyết định sự thắng hay bại của một doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay.

- Hoàn thiện kế toán hàng hóa tồn kho phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán hàng tồn kho cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một biện pháp trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Đây chính là những yêu cầu không thể thiếu trong việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa. Chỉ có dựa theo những yêu cầu trên thì kế toán hàng tồn

kho mới có thể thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ hữu ích trong việc quản lý của doanh nghiệp.

3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện hạch toán hàng hóa tồn kho.

Các thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết trong công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng hóa tồn kho nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý.

+ Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hàng tồn kho trong doanh nghiệp được tốt không phải là làm bất cứ thay đổi gì chỉ để phù hợp với điều kiện doanh nghiệp mình mà cần phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan, đồng thời tiến tới hòa nhập với các thông lệ chung và chuẩn mực kế toán quốc tế. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong.

3.2.4.1. Kiến nghị 1: về ứng dụng tin học trong công tác kế toán.

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán lâu nay của nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học

đã và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong là một công ty kinh doanh thương mại, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng phần mềm Exel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dần dần đến đưa ra các báo cáo không chính xác. Do vậy, cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán.

Trước khi áp dụng phần mềm kế toán, công ty nên cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng hình thức kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

❖ **Phần mềm kế toán MISA:**

- Phần mềm kế toán MISA được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.
- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Tính chính xác: Số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao



Hình 3.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET

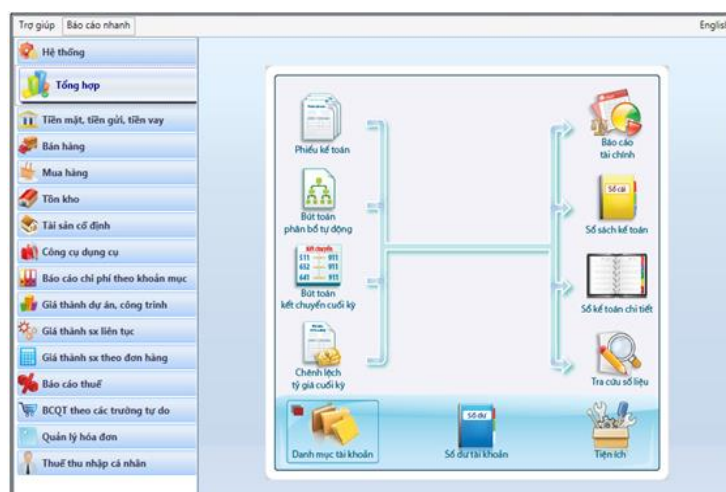
❖ **FAST ACCOUNTING :**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ hiện hành cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý cao

- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp

Hình 3.2 Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



3.2.4.2: Kiến nghị 2: Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong, nhất là khi giá cả không ổn định mà chủng loại hàng hóa mua vào ngày càng nhiều do yêu cầu mở rộng kinh doanh, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty.

- Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của hàng hóa trên thị trường.

✓ **Tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC sử dụng tài khoản 159(3) “Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho”

✓ **Kết cấu và nội dung phản ánh:**

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

- Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có Tk 159(3) - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159(3): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159(3): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Công thức tính mức dự phòng giảm giá hàng hoá:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá hàng hoá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{thực tế tồn kho tại} \\ \text{thời điểm lập BCTC} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{giá ghi sổ} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hoá} \end{array} - \left. \begin{array}{l} \text{giá trị thực} \\ \text{tế của hàng} \\ \text{hóa trên thị} \\ \text{trường} \end{array} \right\}$$

Công ty có thể lập Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau (**Biểu 3.3**)

Biểu số 3.3. Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong

BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm 2016

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | Theo sổ kế toán | | Theo thị trường | | Mức dự phòng cần lập |
|----------|----------------------|----------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|----------------------|
| | | | Đơn giá | Thành tiền | Đơn giá | Thành tiền | |
| A | B | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5=1x4 | 6=5-3 |
| 1 | Xe máy Airblade F1-3 | | | | | | |
| 2 | Xe máy Airblade F1-4 | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

3.2.4.3. Kiến nghị 3: về cập nhật chế độ kế toán mới

- Ngày 26/8/2016, bộ tài chính đã ban hành thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho quyết định 48/2006 và áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Theo đó, công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong cần cập nhật chế độ chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán cho phù hợp với thông tư 133 kể từ năm tài chính 2017 đặc biệt về tài khoản 159 (1593) sẽ đổi thành tài khoản 229 (2294).

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh, mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển của mình, công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong, được sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã nhận được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán hàng hoá tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán hàng hoá tồn kho là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất, lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ phù hợp. Từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong, bài khóa luận đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện kế toán hàng hóa tại công ty.

Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của

các thầy cô giáo và các anh chị phòng kế toán của công ty để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin cảm ơn Ths. Nguyễn Đức Kiên, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng ban lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH ô tô, xe máy Thuận Phong đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Lê Thị Hồng Vân